

Cao Bằng, ngày 24 tháng 6 năm 2022

BẢNG ĐIỂM CHUNG

Lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên khóa 97

Thời gian học: từ ngày 25/4/2022 đến ngày 24/6/2022

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần I+II	Phần III	T.luận	Điểm TB		
1	Đàm Anh	7.50	8.80	8.00	8.08	Khá	
2	Lưu Thị Kim Anh	6.50	7.00	8.00	7.38	Khá	
3	Triệu Thị Ánh	7.00	5.60	7.50	6.90	Trung bình	
4	Hoàng Hồng Biên	7.75	8.60	8.00	8.09	Khá	
5	Đặng Mùi Coi	7.00	7.40	8.00	7.60	Khá	
6	Lương Thị Kim Cúc	8.25	8.60	7.75	8.09	Khá	
7	Đình Ích Cường	7.00	5.00	7.75	6.88	Trung bình	
8	Lý Mùi Chuông	8.00	7.80	8.00	7.95	Khá	
9	Nông Thị Diễm	8.25	8.40	8.00	8.16	Khá	
10	Sầm Thị Hoài Dung	8.00	7.00	7.75	7.63	Khá	
11	Đỗ Thị Thanh Dung	7.75	7.00	7.50	7.44	Khá	
12	Đàm Thị Dung	7.50	6.20	7.25	7.05	Khá	
13	Nông Thị Duyên	7.25	6.60	8.25	7.59	Khá	
14	Đàm Tiến Doanh	6.50	6.60	8.00	7.28	Khá	
15	Vi Văn Dưỡng	8.00	8.20	7.75	7.93	Khá	
16	Hoàng Thị Ngọc Diệp	6.75	6.40	8.25	7.41	Khá	
17	Ngôn Tuấn Đức	7.00	7.40	8.00	7.60	Khá	
18	Bé Thị Thu Hà	8.00	8.60	7.75	8.03	Khá	
19	Đình Thị Thu Hà	7.25	6.00	8.00	7.31	Khá	
20	Nông Thị Hà	7.50	8.20	7.50	7.68	Khá	
21	Lê Thanh Hà	7.75	6.80	8.00	7.64	Khá	
22	Nông Thị Thu Hải	7.75	7.80	7.50	7.64	Khá	
23	Bùi Trung Hậu	6.00	5.60	8.00	6.90	Trung bình	
24	Lý Thị Hợp	7.75	5.40	8.00	7.29	Khá	
25	Trương Kim Huệ	7.75	7.60	8.00	7.84	Khá	
26	Nguyễn Dương Hùng	6.00	5.00	7.50	6.50	Trung bình	
27	Lục Thị Hương	7.75	6.20	7.50	7.24	Khá	
28	Hà Thu Hương	7.50	7.80	7.50	7.58	Khá	
29	Nguyễn Đức Huy	8.25	7.00	8.25	7.94	Khá	

ĐHL

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần I+II	Phần III	T.luận	Điểm TB		
30	Nguyễn Thị Minh Hồng	8.25	7.40	7.75	7.79	Khá	
31	Võ Thị Xuân Kỳ	7.25	7.00	8.00	7.56	Khá	
32	Nguyễn Đức Khánh	8.25	8.80	8.00	8.26	Khá	
33	Đàm Thị Khuyên	8.00	7.80	8.00	7.95	Khá	
34	Đoàn Thị Lam	7.50	8.00	7.50	7.63	Khá	
35	Triệu Thị Lan	7.75	7.80	8.00	7.89	Khá	
36	Tô Hương Lan	7.25	7.60	7.75	7.59	Khá	
37	Nguyễn Phương Lan	8.00	8.20	7.50	7.80	Khá	
38	Lý Văn Lầy	8.00	7.20	7.50	7.55	Khá	
39	Nông Thanh Liêm	7.50	8.00	8.00	7.88	Khá	
40	Trương Quỳnh Liên	7.50	6.80	7.75	7.45	Khá	
41	Lê Thảo Linh	7.50	7.40	8.00	7.73	Khá	
42	Triệu Đức Luân	8.00	8.00	8.00	8.00	Khá	
43	Triệu Thị Hương Lê	8.00	6.50	7.50	7.38	Khá	
44	Đỗ Nông Mai Ly	6.50	6.50	7.50	7.00	Khá	
45	Đình Thị Giang Minh	7.50	7.20	7.50	7.43	Khá	
46	Mã Thị Ngân	7.50	6.00	8.00	7.38	Khá	
47	Nguyễn Bích Ngọc	8.00	9.00	7.00	7.75	Khá	
48	Đặng Thị Bích Nguyệt	7.75	7.60	7.00	7.34	Khá	
49	Hà Hải Yến Nhung	7.75	8.20	7.25	7.61	Khá	
50	Hoàng Minh Phương	7.50	8.20	8.00	7.93	Khá	
51	Hoàng Ngọc Sơn	8.00	8.20	8.00	8.05	Khá	
52	Dương Trung Sơn	7.50	7.00	8.00	7.63	Khá	
53	Hoàng Thị Thảo	7.25	8.20	7.75	7.74	Khá	
54	Tô Thị Hồng Thắm	7.50	6.20	8.00	7.43	Khá	
55	Hoàng Trần Thế	7.50	5.60	7.50	7.03	Khá	
56	Phùng Thị Thi	8.00	8.80	8.00	8.20	Khá	
57	Lãnh Đức Thiện	7.75	5.25	7.50	7.00	Khá	
58	Vi Thị Hồng Thoa	8.00	8.00	8.00	8.00	Khá	
59	Nông Thị Bích Thu	8.00	8.20	7.75	7.93	Khá	
60	Lý Thị Thùy	7.50	8.40	7.50	7.73	Khá	
61	Triệu Văn Thủy	7.25	6.20	7.75	7.24	Khá	
62	Võ Bích Thủy	7.50	6.20	7.00	6.93	Trung bình	
63	Nông Bích Thủy	8.00	8.40	8.00	8.10	Khá	
64	Hoàng Quốc Toàn	8.00	6.00	7.75	7.38	Khá	
65	Hoàng Minh Toàn	7.50	5.48	7.50	7.00	Khá	

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần I+II	Phần III	T.luận	Điểm TB		
66	Phùng Thị Trang	7.75	7.40	7.25	7.41	Khá	
67	Tạ Thị Thu Trang	7.50	6.60	7.75	7.40	Khá	
68	Thâm Thanh Tú	7.50	7.20	7.75	7.55	Khá	
69	Nông Thị Kim Xuân	8.00	8.00	7.75	7.88	Khá	
70	Hoàng Thị Yên	7.50	8.60	7.75	7.90	Khá	

Danh sách ấn định: 70 học viên.

Tổng hợp xếp loại:

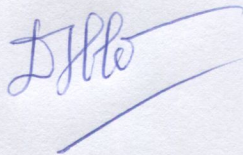
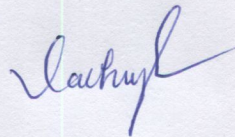
Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7.00 điểm đến dưới 9.00 điểm: 65 học viên, chiếm 92.86%.

Trung bình: Điểm trung bình toàn khóa học từ 5.00 điểm đến dưới 7.00 điểm: 05 học viên, chiếm 7.14%/.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG


Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa